

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 07-6-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V- VPB; trụ sở chính: Số 89 H, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 96 T, Phường 4, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 22/01/2021). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1982 và ông Phùng Bá N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 3, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông N và bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và Văn bản trình bày ý kiến ngày 04/6/2021 của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi tắt là VPB) trình bày:

Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh S có ký với ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T các hợp đồng sau:

Khoản nợ I: Theo Hợp đồng cho vay số: LN1709200241844/HCM/HDTD ký ngày 21/11/2017: Số tiền cho vay 628.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi tám triệu đồng), mục đích: Vay mua xe, thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 04/12/2017 đến ngày 04/12/2023; lãi suất: 11,9%/năm, cố định 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/06/2021 là 390.662.000 đồng (nợ gốc) và 304.517.422 đồng (nợ lãi). Tổng cộng 695.179.422 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm chín mươi lăm triệu một trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, số khung: RLEN1R75MH7100144, số máy: 4HK1600831, biển kiểm soát 61C-306.91 đứng tên sử dụng bà Lê Thị T do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/11/2017. Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1709200241844/HCM/HĐTCSP ký ngày 21/11/2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo, hợp đồng, thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án số: 1269501312 hiệu lực đăng ký vào hồi 15 giờ 06 phút ngày 21/11/2017 tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP. Hồ Chí Minh.

Khoản nợ II: Theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/2017 09/033 ký ngày 18/09/2017: Hạn mức thẻ: 62.000.000 đồng, lãi suất vay 20%/năm, mục đích là vay tiêu dùng, ngày mở thẻ: 06/12/2017, với dư nợ tạm tính đến ngày 07/06/2021 là: 56.654.702 đồng (nợ gốc) và 51.724.273 đồng (nợ lãi). Tổng cộng 108.378.975 đồng (*Bằng chữ: Một trăm lẻ tám triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*)

Tính đến hết ngày 07/06/2021, ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng của 02 hợp đồng nêu trên là: Nợ gốc 447.316.702 đồng và nợ lãi 356.241.695 đồng. Tổng cộng: 803.558.397 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm lẻ ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi vay quá hạn và đã tạo điều kiện về thời gian cho ông N và bà T trả nợ nhưng ông N, bà T vẫn không trả dứt nợ cho ngân hàng. Do bên vay không còn khả năng thanh toán nợ do đó VPB đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với hợp đồng tính dụng trên và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Buộc ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T tổng số nợ gốc của khoản vay thế chấp và khoản vay tín dụng là: 803.558.397 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm lẻ ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng*).

Ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả dứt số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng cho vay số: LN1709200241844/HCM/HDTD ký ngày 21/11/2017 và

giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/2017 09/033 ký ngày 18/09/2017.

Trường hợp ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Hợp đồng tín dụng số LN1709200241844/HCM/HDTD ký ngày 21/11/2017 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/2017 09/033 ký ngày 18/09/2017; Thông báo thu hồi nợ trước hạn, Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T tại địa chỉ thường trú, lý do ông N, bà T không có mặt ở địa chỉ nhà ở tổ 3, khu phố Tân Ba, phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Theo Biên bản xác minh ngày 06/7/2020 thể hiện: Ông Phùng Bá N, sinh năm 1982 và bà Lê Thị T, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu tại Tổ 3, khu phố Tân Ba, phường Thái Hòa, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ông N và bà T vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, đương sự không sinh sống tại địa phương từ năm 2013 đến nay, không rõ địa chỉ hiện tại.

Theo quy định Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Tuy nhiên, ông N và bà T vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn không có yêu cầu Tòa án xác minh tài sản thế chấp đang ở đâu. Trường hợp ông N và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì VPB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng bị đơn đều vắng mặt, không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng đã tuân theo và thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Bà Lê Thị T và ông Phùng Bá N ký với Ngân hàng VPB Hợp đồng cho vay số: LN1709200241844/HCM/HDTD ngày 21/11/2017 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/2017 09/033 ngày 18/09/2017. Giao dịch được xác lập tự nguyện, đúng quy định pháp luật. Tài sản bảo đảm là xe ô tô tải biển số 61C-306.91 đã được đăng ký thế chấp đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông N, bà T tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ông N, bà T vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của đương sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Phùng Bá N, bà Lê Thị T bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2013, không rõ địa chỉ cư trú hiện tại nên Tòa án đã làm thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định. Đây là phiên tòa mở lần thứ hai nhưng bị đơn ông N, bà T vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét giá trị hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn VPB và bị đơn ông Phùng Bá N, bà Lê Thị T:

Khoản nợ I: Ngày 21/11/2017, VPB và ông N, bà T đã ký kết Hợp đồng cho vay số: LN1709200241844/HCM/HDTD: Số tiền vay 628.000.000 đồng, mục đích: Vay mua xe, thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 04/12/2017 đến ngày 04/12/2023); lãi suất: 11,9%/năm, cố định 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, định kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô tải, biển kiểm soát 61C-306.91 đứng tên bà Lê Thị T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1709200241844/HCM/HĐTCSP ký ngày 21/11/2017.

Khoản nợ II: Ngày 18/09/2017, bị đơn ông N, bà T ký Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở & sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số CN/VN0010102/2017 09/033.

Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự trong các hợp đồng trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Ông N, bà T ký kết hợp đồng vay trong thời kỳ hôn nhân nên khoản vay là nợ chung của vợ chồng.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Nguyên đơn VPB xác định: Quá trình thực hiện hợp đồng, ông N, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng. Nguyên đơn VPB khởi kiện yêu cầu bị

đơn thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/6/2021) là 803.558.397 đồng và sau ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ chưa thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để bảo đảm cho khoản vay, bị đơn ông N, bà T đã thế chấp xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, số khung: RLEN1R75MH7100144, số máy: 4HK1600831, biển kiểm soát 61C-306.91 đứng tên bà Lê Thị T theo Hợp đồng thế xe ô tô số: LN1709200241844/HCM/HĐTCSP ký ngày 21/11/2017. Việc thế chấp tài sản và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của VPB về việc phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn ông N, bà T không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định pháp luật.

[5] Nguyên đơn VPB có trách nhiệm giao trả cho bị đơn ông N, bà T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho bà Lê Thị T ngay khi ông N, bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn VPB yêu cầu thông báo nên phải chịu chi phí theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 180, 235, 238, 254, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ quy định về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, sửa đổi bổ sung năm 2012;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPB) đối với bị đơn ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”:

1.1 Buộc ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPB) số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (07/6/2021) là 803.558.397 đồng (Tám trăm lẻ ba triệu năm trăm năm mươi tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), bao gồm: Khoản nợ I: 695.179.422 đồng (trong đó: Nợ gốc 390.662.000 đồng và nợ lãi 304.517.422 đồng); khoản nợ II: 108.378.975 đồng (trong đó: Nợ gốc 56.654.702 đồng và nợ lãi 51.724.273 đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (sau ngày 07/6/2021) đến khi thi hành án xong, ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo quy định trong hợp đồng đã ký.

1.2 Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPB) có trách nhiệm giao trả cho bị đơn ông Phùng Bá N, bà Lê Thị T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô ngay khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

1.3 Trường hợp ông N, bà T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp là xe ô tô tải, nhãn hiệu ISUZU, số khung: RLEN1R75MH7100144, số máy: 4HK1600831, biển kiểm soát 61C-306.91 đứng tên bà Lê Thị T theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/11/2017 để thu hồi nợ.

1.4 Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

2. Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPB) phải chịu số tiền 11.720.000 đồng (đã thực hiện xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Phùng Bá N và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.106.752 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (VPB) tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.306.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0037609 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/ thông báo theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh Nga